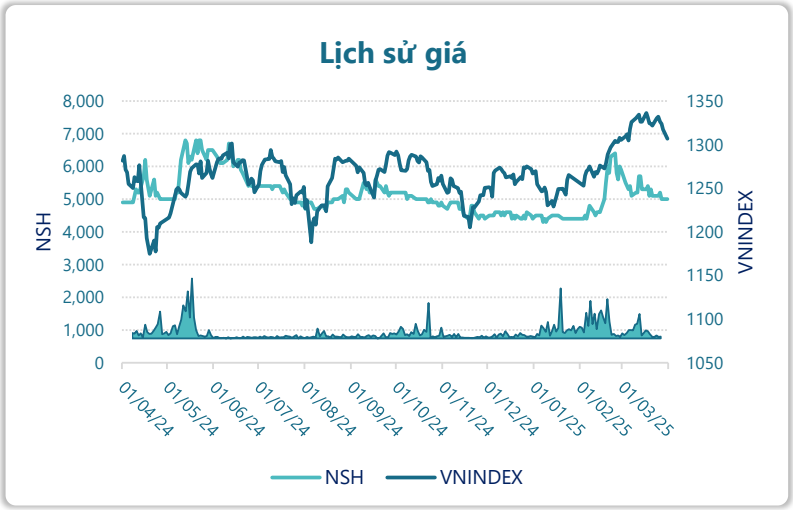
FireAnt

CTCP Tập đoàn Nhôm Sông Hồng Shalumi (HNX: NSH)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,300
SL cổ phiếu LH	20,693,437
KLGD BQ 20 phiên (CP)	127,370
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	103
P/E	47.5
EPS	105

DT thuần

Q1/25

185

tỷ VNĐ

QoQ: ▼181| -49.5%

YoY: ▲ 49.0| 36.0%

LN sau thuế

Q1/25

0.64

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.32| 99.5%

YoY: ▲ 0.29| 82.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.6%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

2024

1,013

tỷ VNĐ

YoY: ▼56.0| -5.2%

LN sau thuế

2024

1.87

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.97| 108%

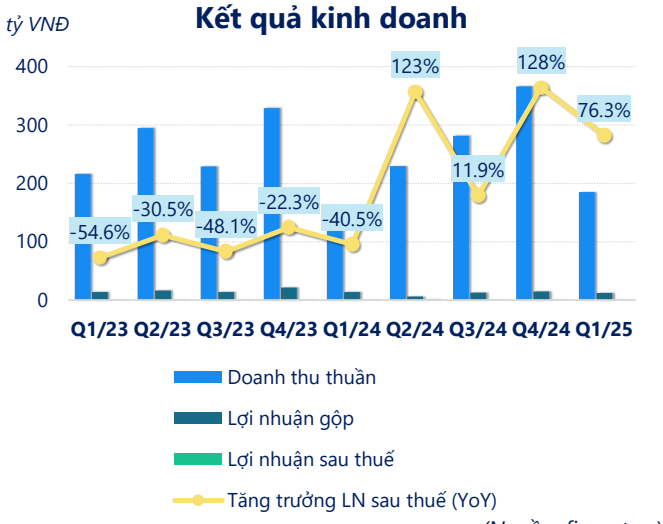
ROE

2024

0.8%

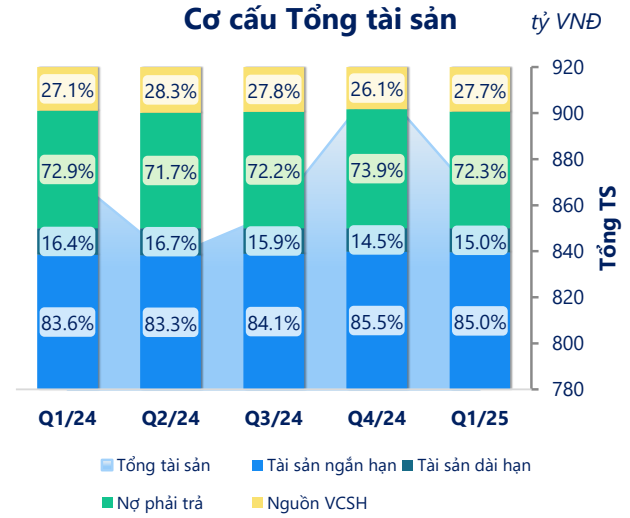
+/- YoY: ▲ 0.4%

Kết quả kinh doanh



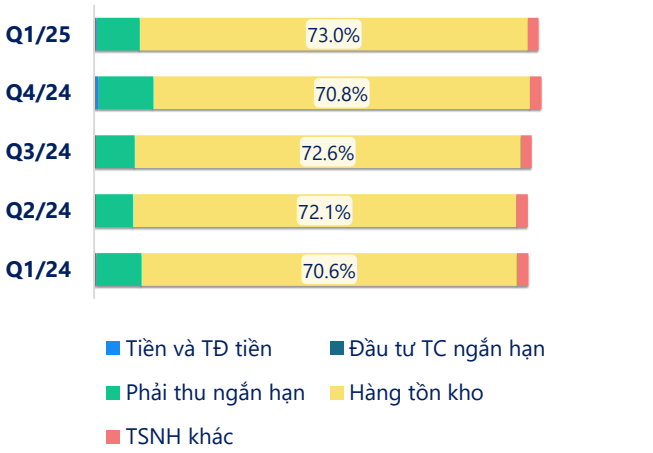
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



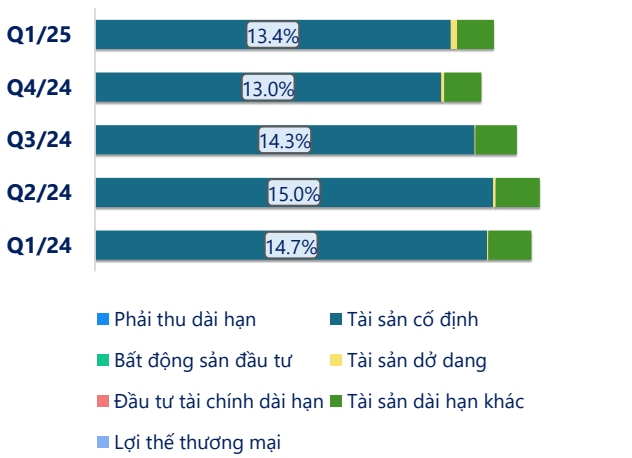
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



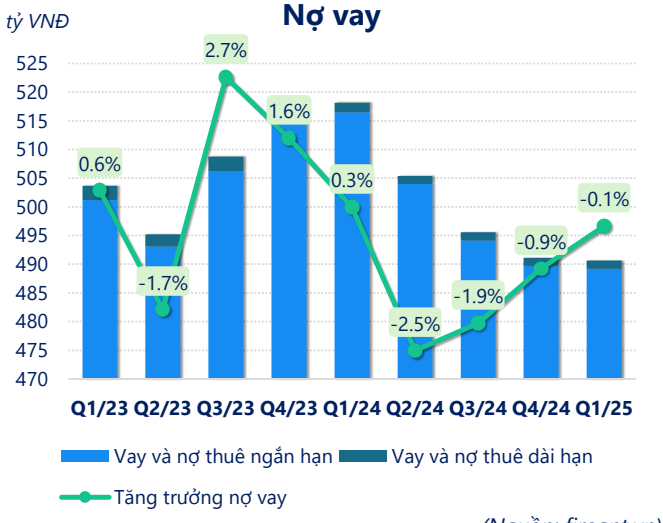
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



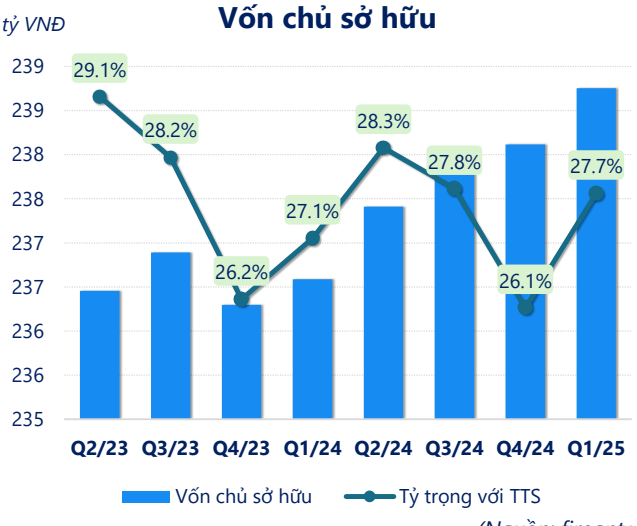
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



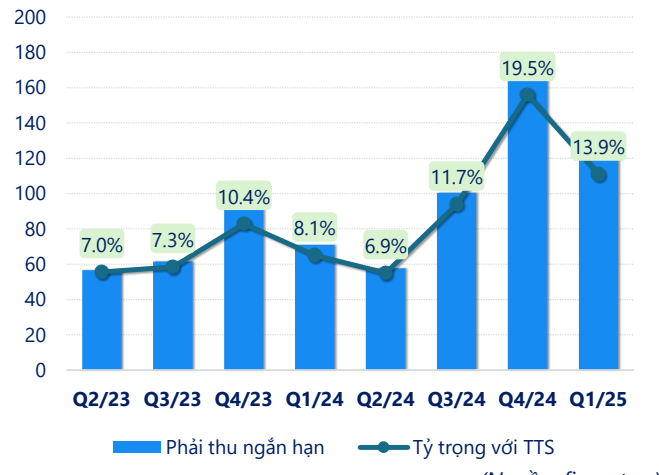
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



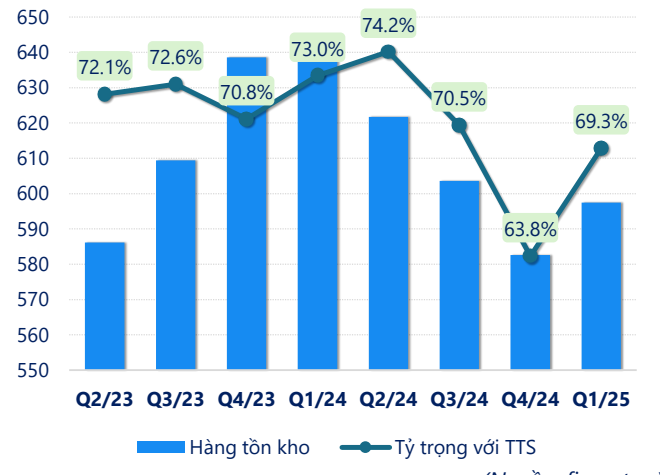
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



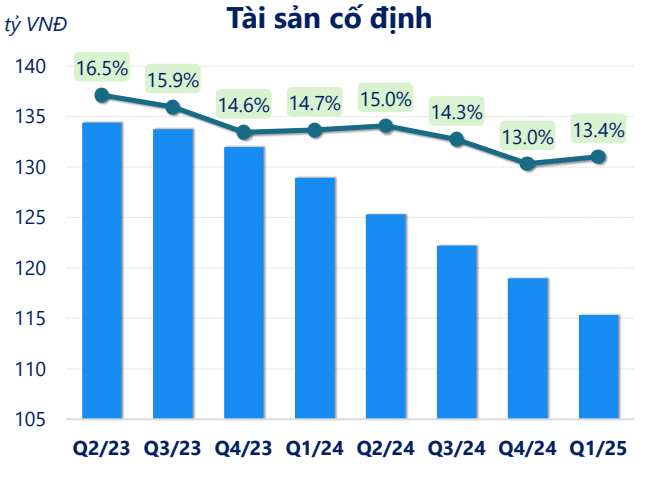
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



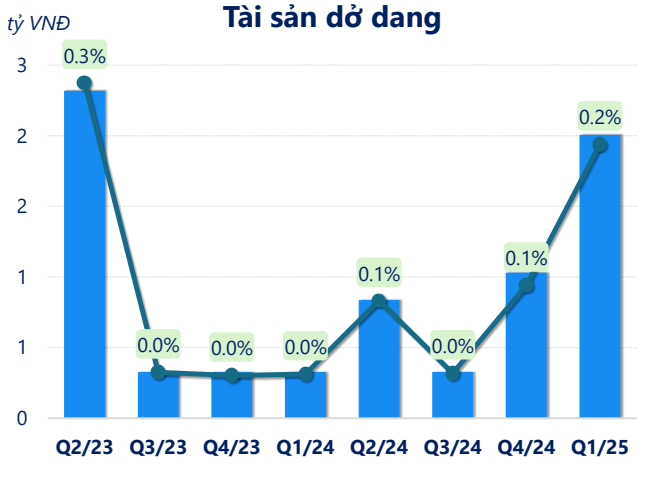
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



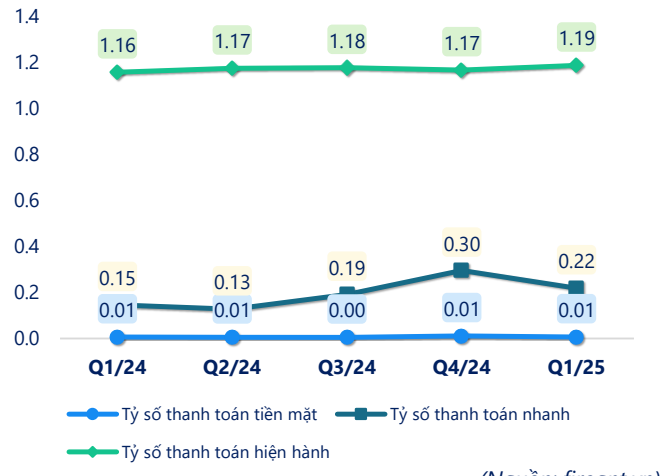
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



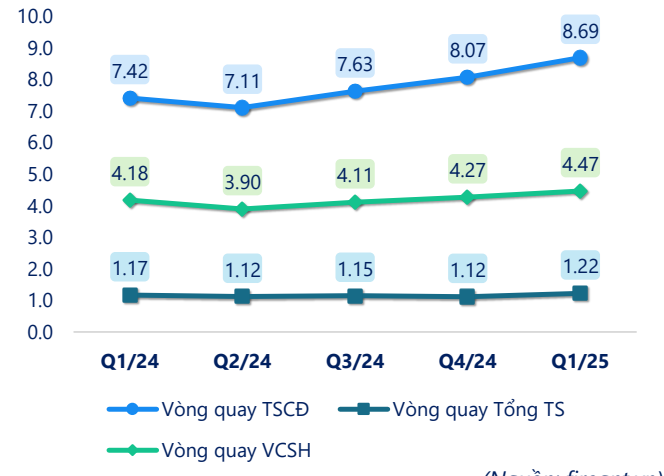
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**874**	**837**	**856**	**913**	**862**
Tài sản ngắn hạn	**731**	**697**	**720**	**780**	**733**
Tiền và tương đương tiền	3.77	3.04	2.94	7.46	3.84
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	71.0	57.6	100	178	119
Hàng tồn kho	638	622	604	583	597
Tài sản ngắn hạn khác	17.6	15.0	13.5	12.3	11.9
Tài sản dài hạn	**143**	**140**	**136**	**133**	**129**
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.03	0	0
Tài sản cố định	129	125	122	119	115
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.33	0.84	0.33	1.03	2.01
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	14.2	13.9	13.4	12.7	12.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**637**	**600**	**619**	**675**	**623**
Nợ ngắn hạn	**631**	**594**	**612**	**669**	**617**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	517	504	494	490	489
Phải trả người bán ngắn hạn	96.9	65.7	108	159	106
Nợ dài hạn	6.28	6.30	6.55	6.22	6.13
Vay và nợ thuê dài hạn	1.64	1.41	1.46	1.45	1.43
Nguồn vốn chủ sở hữu	**237**	**237**	**238**	**238**	**239**
Vốn chủ sở hữu	**237**	**237**	**238**	**238**	**239**
Vốn điều lệ	207	207	207	207	207
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)